

Số: /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Y tế thực hiện điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề nghị bổ sung kỹ thuật thuộc danh mục kỹ thuật loại đặc biệt thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế phân cấp cho Ủy ban nhân dân thành phố

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 04/2026/TT-BYT ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc phân cấp giải quyết thủ tục hành chính đối với việc bổ sung kỹ thuật thuộc danh mục kỹ thuật loại đặc biệt;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế Hải Phòng tại Tờ trình số 103/TTr-SYT ngày 16 tháng 4 năm 2026.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ủy quyền cho Giám đốc Sở Y tế thực hiện điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề nghị bổ sung kỹ thuật thuộc danh mục kỹ thuật loại đặc biệt quy định tại Phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** Thời hạn ủy quyền: 05 năm, kể từ ngày 01/5/2026, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác về thẩm quyền thực hiện các nội dung đã ủy quyền.

**Điều 3.** Giám đốc Sở Y tế chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật về việc giải quyết thủ tục hành chính được ủy quyền nêu trên theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật; bảo đảm các điều kiện về nguồn nhân lực, tài chính để tổ chức thực hiện việc ủy quyền; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện nội dung được ủy quyền theo quy định.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Y tế;

Giám đốc/ Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Y tế;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- CVP, PCVP: Nguyễn Thanh Hùng;
- Các cơ sở KBCB (do SYT chuyển gửi);
- Phòng: VX, NV&KTGS;
- Công TTĐT thành phố;
- Trung tâm PVHCC thành phố;
- Lưu: VT, T. V. Hải.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Vũ Tiên Phụng**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC KỸ THUẬT LOẠI ĐẶC BIỆT**

(Kèm theo Quyết định số \_\_\_\_\_/QĐ-UBND ngày \_\_\_\_/5/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

TT	Mã số	Chuyên khoa	Tên kỹ thuật	Căn cứ pháp lý
1	1.176	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH)	Điều 1 Thông tư số 04/2026/TT-BYT phân cấp giải quyết thủ tục hành chính do bổ sung kỹ thuật thuộc danh mục kỹ thuật loại đặc biệt thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế cho Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
2	1.177	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu liên tục cấp cứu có thẩm tách (CVVHD)	
3	1.178	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh sốc nhiễm khuẩn	
4	1.179	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh suy đa tạng	
5	1.180	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh viêm tụy cấp	
6	1.181	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF)	
7	1.182	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF) cho người bệnh sốc nhiễm khuẩn	
8	1.183	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF) cho người bệnh suy đa tạng	
9	1.184	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF) cho người bệnh viêm tụy cấp	

<b>TT</b>	<b>Mã số</b>	<b>Chuyên khoa</b>	<b>Tên kỹ thuật</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
10	1.185	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh ARDS	
11	1.186	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu liên tục cấp cứu (SCUF) cho người bệnh quá tải thể tích.	
12	1.187	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh suy thận cấp do tiêu cơ vân nặng	
13	1.189	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc và tách huyết tương chọn lọc	
14	1.190	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu hấp phụ với màng lọc đặc biệt trong sốc nhiễm khuẩn	
15	1.191	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu hấp phụ bằng quả lọc resin	
16	1.192	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thay huyết tương sử dụng huyết tương	
17	1.193	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thay huyết tương sử dụng albumin	
18	1.194	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc huyết tương sử dụng 2 quả lọc	
19	1.195	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thay huyết tương trong hội chứng Guillain- Barré, nhược cơ	
20	1.196	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thay huyết tương trong lupus ban đỏ rải rác	

<b>TT</b>	<b>Mã số</b>	<b>Chuyên khoa</b>	<b>Tên kỹ thuật</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
21	1.197	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thay huyết tương trong hội chứng xuất huyết giảm tiêu cầu tắc mạch (hội chứng TTP)	
22	1.198	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thay huyết tương trong suy gan cấp	
23	1.199	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu hấp phụ với than hoạt trong ngộ độc cấp	
24	1.313	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu liên tục CVVH trong hội chứng suy hô hấp cấp tiến triển (ARDS)	
25	1.330	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu liên tục trong hội chứng tiêu cơ vân cấp	
26	1.331	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu thẩm tách liên tục trong hội chứng tiêu cơ vân cấp	
27	1.332	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lọc máu hấp phụ cytokine với quả lọc pmx (polymicin b)	
28	2.202	02. NỘI KHOA	Lấy sỏi niệu quản qua nội soi	
29	2.205	02. NỘI KHOA	Lọc huyết tương (Plasmapheresis)	
30	2.207	02. NỘI KHOA	Lọc huyết tương sử dụng 2 quả lọc trong Lupus	
31	2.208	02. NỘI KHOA	Lọc huyết tương sử dụng 2 quả lọc (quả lọc kép)	

<b>TT</b>	<b>Mã số</b>	<b>Chuyên khoa</b>	<b>Tên kỹ thuật</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
32	2.220	02. NỘI KHOA	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser).	
33	2.226	02. NỘI KHOA	Phối hợp thận nhân tạo (HD) và hấp thụ máu (HP) bằng quả hấp phụ máu	
34	2.605	02. NỘI KHOA	Test kích thích với thuốc đường tĩnh mạch	
35	2.606	02. NỘI KHOA	Test kích thích với thuốc đường uống	
36	2.607	02. NỘI KHOA	Test kích thích với sữa	
37	2.608	02. NỘI KHOA	Test kích thích với thức ăn	
38	2.609	02. NỘI KHOA	Test huyết thanh tự thân	
39	2.611	02. NỘI KHOA	Test kích thích phế quản không đặc hiệu với Methacholine	
40	3.113	03. NHI KHOA	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	
41	3.114	03. NHI KHOA	Lọc máu liên tục (CRRT)	
42	3.115	03. NHI KHOA	Lọc máu hấp thụ bằng than hoạt	
43	3.116	03. NHI KHOA	Thay huyết tương	
44	3.120	03. NHI KHOA	Lọc và tách huyết tương chọn lọc	
45	3.1361	03. NHI KHOA	Giảm đau sau phẫu thuật bằng thuốc tê + morphinic qua khoang NMC thắt lưng: 1 liều hay truyền liên tục qua bơm tiêm điện	

<b>TT</b>	<b>Mã số</b>	<b>Chuyên khoa</b>	<b>Tên kỹ thuật</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
46	3.1362	03. NHI KHOA	Giảm đau sau phẫu thuật bằng thuốc tê + morphinic qua khoang NMC ngực qua bơm tiêm điện liên tục	
47	3.1363	03. NHI KHOA	Giảm đau sau phẫu thuật bằng tiêm morphinic thuốc tê theo kiểu PCEA	
48	3.1364	03. NHI KHOA	Giảm đau sau phẫu thuật bằng truyền liên tục thuốc tê vào thân thần kinh hay đám rối qua catheter	
49	3.1367	03. NHI KHOA	Lọc máu nhân tạo cấp cứu thường quy	
50	3.1368	03. NHI KHOA	Lọc máu nhân tạo cấp cứu liên tục	
51	3.1447	03. NHI KHOA	Vô cảm cho các phẫu thuật nhỏ ở tầng sinh môn trẻ em: chích áp xe, lấy máu tụ, dẫn lưu áp xe hậu môn đơn giản	
52	3.1653	03. NHI KHOA	Khám mắt và điều trị có gây mê	
53	3.1738	03. NHI KHOA	Chụp sứ Cercon	
54	3.1739	03. NHI KHOA	Cài sứ Cercon	
55	3.1769	03. NHI KHOA	Nắn chỉnh dùng lực ngoài miệng sử dụng Chincup	
56	3.1771	03. NHI KHOA	Nắn chỉnh răng sử dụng neo chặn bằng khí cụ cố định Nance	
57	3.1781	03. NHI KHOA	Nắn chỉnh trước phẫu thuật điều trị khe hở môi-vòm miệng giai đoạn sớm	
58	3.1793	03. NHI KHOA	Nắn chỉnh khối tiền hàm trước phẫu thuật	

<b>TT</b>	<b>Mã số</b>	<b>Chuyên khoa</b>	<b>Tên kỹ thuật</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
			cho trẻ khe hở môi-vòm miệng	
59	3.1869	03. NHI KHOA	inlay/Onlay kim loại thường	
60	3.1875	03. NHI KHOA	Chụp sứ Titanium	
61	3.1876	03. NHI KHOA	Chụp sứ toàn phần	
62	3.1878	03. NHI KHOA	Chụp sứ kim loại quý	
63	3.1879	03. NHI KHOA	Cầu sứ Titanium	
64	3.1880	03. NHI KHOA	Cầu sứ kim loại quý	
65	3.1881	03. NHI KHOA	Cầu sứ toàn phần	
66	3.1884	03. NHI KHOA	Veneer sứ - Composite	
67	3.1885	03. NHI KHOA	Cùi đúc Titanium	
68	3.1886	03. NHI KHOA	Cùi đúc kim loại quý	
69	3.1887	03. NHI KHOA	inlay/Onlay Titanium	
70	3.1888	03. NHI KHOA	inlay/Onlay kim loại quý	
71	3.1889	03. NHI KHOA	inlay/Onlay sứ - Composite	
72	3.1890	03. NHI KHOA	inlay/Onlay sứ toàn phần	
73	3.1891	03. NHI KHOA	Máng hướng dẫn phẫu thuật cấy ghép Implant	
74	3.1896	03. NHỈ KHOA	Máng Titanium tái tạo xương có hướng dẫn	
75	3.1897	03. NHI KHOA	Máng điều trị đau khớp thái dương hàm	
76	3.1942	03. NHI KHOA	Điều trị răng sữa viêm tuỷ có hồi phục	

<b>TT</b>	<b>Mã số</b>	<b>Chuyên khoa</b>	<b>Tên kỹ thuật</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
77	3.2072	03. NHI KHOA	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	
78	3.2076	03. NHI KHOA	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt	
79	3.2991	03. NHI KHOA	Tái tạo da mặt bằng hoá chất	
80	3.3000	03. NHI KHOA	Điện đông các khối u lành tính ngoài da	
81	3.3001	03. NHI KHOA	Quang đông các khối u lành tính ngoài da	
82	3.3002	% NHI KHOA	áp nito lỏng các khối u lành tính ngoài da	
93	3.3008	03. NHI KHOA	Điều trị sẹo xấu bằng hoá chất	
84	3.3009	03. NHI KHOA	Điều trị sẹo lõm bằng tiêm Acid hyaluronic	
85	3.3010	03. NHI KHOA	Chấm TCA điều trị sẹo lõm	
86	3.3011	03. NHI KHOA	Điều trị u máu, giãn mạch, chứng đỏ da bằng lasen YAG-KTP, Argon...	
87	3.3012	03. NHI KHOA	Điều trị bớt sắc tố, chứng tăng sắc tố bằng lasen YAG-KTP, Rubi, 1 PL...	
88	3.3016	03. NHI KHOA	Tiêm Botulinum toxin điều trị chứng ra nhiều mồ hôi nách, tay, chân	
89	3.3017	03. NHI KHOA	Tái tạo da mặt bằng Laser	
90	3.3018	03. NHI KHOA	Mài da mặt bằng laser CO2 siêu xung, máy mài da...	
91	3.3025	03. NHI KHOA	Cắt lọc, loại bỏ dị vật vảy da, vảy tiết dưới 20% diện tích cơ thể	

<b>TT</b>	<b>Mã số</b>	<b>Chuyên khoa</b>	<b>Tên kỹ thuật</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
92	3.3026	03. NHI KHOA	Cắt lọc, loại bỏ dị vật vảy da, vảy tiết trên 20% diện tích cơ thể	
93	3.3028	03. NHI KHOA	Điều trị sẹo lõm bằng laser CO2 siêu xung	
94	3.3031	03. NHI KHOA	Chích rạch áp xe nhỏ	
95	3.3032	03. NHI KHOA	Chích rạch áp xe lớn, dẫn lưu	
96	5.25	05. DA LIỄU	Điều trị u mạch máu bằng YAG-KTP	
97	5.26	05. DA LIỄU	Điều trị bớt tăng sắc tố bằng YAG-KTP	
98	5.27	05. DA LIỄU	Xoá xăm bằng YAG-KTP	
99	5.28	05. DA LIỄU	Điều trị sẹo lồi bằng YAG-KTP	
100	5.92	05. DA LIỄU	Xoá xăm bằng các kỹ thuật Laser Rubv	
101	5.93	05. DA LIỄU	Điều trị sẹo lõm bằng Laser Fractional, Intracell	
102	5.94	05. DA LIỄU	Xoá nếp nhăn bằng Laser Fractional, Intracell	
103	5.95	05. DA LIỄU	Điều trị các bớt sắc tố bằng Laser Rubv	
104	5.96	05. DA LIỄU	Trẻ hoá da bằng các kỹ thuật Laser Fractional	
105	5.106	05. DA LIỄU	Trẻ hoá da bằng tiêm Botulinum toxin	

<b>TT</b>	<b>Mã số</b>	<b>Chuyên khoa</b>	<b>Tên kỹ thuật</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
106	5.108	05. DA LIỄU	Trẻ hoá da bằng tiêm chất làm đầy (Filler)	
107	9.82	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Kỹ thuật gây tê đặt kim kết hợp tuỷ sống - ngoài màng cứng	
108	9.103	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Kỹ thuật giảm đau bằng thuốc tê-morphinic qua khoang ngoài màng cứng ngực qua bơm tiêm điện	
109	9.104	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Kỹ thuật giảm đau bằng thuốc tê-morphinic qua khoang ngoài màng cứng thắt lưng qua bơm tiêm điện	
110	9.105	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Kỹ thuật giảm đau bằng tiêm morphinic-thuốc tê theo kiểu PCEA	
111	9.106	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Kỹ thuật giảm đau bằng truyền liên tục thuốc tê vào đám rối qua catheter	
112	9.107	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Kỹ thuật giảm đau bằng truyền liên tục thuốc tê vào thân thần kinh qua catheter	
113	9.109	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Kỹ thuật giảm đau sau phẫu thuật bằng gây tê NMC	
114	9.111	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Kỹ thuật giảm đau sau phẫu thuật bằng kết hợp thuốc qua kim tuỷ sống-ngoài màng cứng (CSE)	
115	9.112	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Kỹ thuật giảm đau trong chuyển dạ bằng gây tê NMC	
116	10.311	10. NGOẠI KHOA	Tán sỏi ngoài cơ thể	

<b>TT</b>	<b>Mã số</b>	<b>Chuyên khoa</b>	<b>Tên kỹ thuật</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
117	11.1	11. BÔNG	Thay băng điều trị vết bông trên 60% diện tích cơ thể ở người lớn	
118	11.6	11. BÔNG	Thay băng điều trị vết bông trên 60% diện tích cơ thể ở trẻ em	
119	16.107	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim thường cần sứ	
120	16.108	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim Titanium cần sứ	
121	16.109	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ toàn phần	
122	16.110	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp kim loại quý cần sứ	
123	16.111	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ Cercon	
124	16.115	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại cần sứ	
125	16.116	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu hợp kim Titanium cần sứ	
126	16.117	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại quý cần sứ	
127	16.118	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ toàn phần	
128	16.119	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ Cercon	
129	16.120	16. RĂNG HÀM MẶT	Chốt cùi đúc kim loại	
130	16.121	16. RĂNG HÀM MẶT	Cùi đúc Titanium	
131	16.122	16. RĂNG HÀM MẶT	Cùi đúc kim loại quý	
132	16.123	16. RĂNG HÀM MẶT	Inlay/Onlay kim loại	
133	16.124	16. RĂNG HÀM MẶT	Inlay/Onlay hợp kim Titanium	
134	16.125	16. RĂNG HÀM MẶT	Inlay/Onlay kim loại quý	
135	16.126	16. RĂNG HÀM MẶT	Inlay/Onlay sứ toàn phần	

<b>TT</b>	<b>Mã số</b>	<b>Chuyên khoa</b>	<b>Tên kỹ thuật</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
136	16.127	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer Composite gián tiếp	
137	16.128	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer sứ toàn phần	
138	16.133	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm khung kim loại	
139	16.134	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm khung Titanium	
140	16.151	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng/hàm dùng lực ngoài miệng sử dụng Headgear	
141	16.152	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị chỉnh hình răng mặt sử dụng khí cụ Facemask và ốc nong nhanh	
142	16.153	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng/hàm dùng lực ngoài miệng sử dụng Chincup	
143	16.155	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ cố định Nance làm neo chặn trong điều trị nắn chỉnh răng	
144	16.158	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng sử dụng neo chặn bằng Microimplant	
145	16.160	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng ngầm	
146	16.165	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh mũi - cung hàm trước phẫu thuật điều trị khe hở môi - vòm miệng giai đoạn sớm	
147	16.166	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh cung hàm trước phẫu thuật điều trị khe hở môi - vòm miệng giai đoạn sớm	
148	16.167	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh mũi trước phẫu thuật điều trị khe hở môi - vòm miệng giai đoạn sớm	

<b>TT</b>	<b>Mã số</b>	<b>Chuyên khoa</b>	<b>Tên kỹ thuật</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
149	16.171	16. RĂNG HÀM MẶT	Gắn mắc cài mặt lưỡi bằng kỹ thuật gián tiếp	
150	16.179	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh khối tiền hàm trước phẫu thuật cho trẻ khe hở môi-vòm việng	
151	16.182	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh mất cân xứng hàm chiều trước sau bằng khí cụ tháo lắp	
152	16.194	16. RĂNG HÀM MẶT	Máng điều trị đau khớp thái dương hàm	
153	16.229	16. RĂNG HÀM MẶT	Dự phòng sau răng bàng máng có Gel Flour	
154	16.298	16. RĂNG HÀM MẶT	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	
155	16.300	16. RĂNG HÀM MẶT	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt	